

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm
cấp Trung học Cơ sở

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/03/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2005/NĐ-CP ngày 02/08/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”;

Căn cứ Biên bản thẩm định của Hội đồng Thẩm định Quốc gia Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp Trung học Cơ sở;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp Trung học Cơ sở (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ trưởng Phạm Vũ Luận (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Ban Khoa giáo TW (để b/c);
- Website Chính phủ; Công báo (để p/h);
- Website Bộ GD&ĐT (để t/h);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, HĐND các tỉnh, Thành phố trực thuộc TW (để p/h)
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiền

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH THÍ ĐIỂM
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HÀ NỘI, Tháng 11 - 2011

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN THỨ NHẤT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
1. Giới thiệu	3
2. Các nguyên tắc xây dựng và phát triển chương trình	4
3. Mục tiêu	5
4. Nội dung chương trình	11
5. Phương pháp dạy học	15
6. Kiểm tra, đánh giá	16
7. Điều kiện thực hiện chương trình	17
PHẦN THỨ HAI: GỢI Ý NỘI DUNG DẠY HỌC TỪNG CẤP LỚP	19
1. Lớp 6	19
2. Lớp 7	22
3. Lớp 8	25
4. Lớp 9	28
PHỤ LỤC	31

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH THÍ ĐIỂM CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

PHẦN THỨ NHẤT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Giới thiệu

Ngày nay chúng ta đang chứng kiến sự tương tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực thông tin, tri thức về khoa học, kĩ thuật, giáo dục và văn hóa. Trong bối cảnh đó, tiếng Anh đóng vai trò là một công cụ giao tiếp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật của đất nước và hội nhập khu vực, cũng như đối với sự giao lưu văn hóa giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh là một trong những năng lực cơ bản cần được hình thành cho thế hệ trẻ Việt Nam. Do vậy, việc dạy và học tiếng Anh ở trường phổ thông nói chung, cấp trung học cơ sở (THCS) nói riêng, cần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh cho học sinh. Việc dạy và học tiếng Anh ở cấp THCS góp phần giúp học sinh mở rộng tầm nhìn, làm phong phú kinh nghiệm cuộc sống, phát huy năng lực tư duy và nâng cao sự hiểu biết về văn hóa, xã hội của các quốc gia, dân tộc trên thế giới cũng như hiểu biết sâu hơn về văn hóa và xã hội của chính dân tộc mình, đặt nền tảng cho việc tiếp tục học ở các cấp học cao hơn, học tập suốt đời và sự phát triển toàn diện của học sinh.

Chương trình tiếng Anh THCS là sự nối tiếp chương trình tiếng Anh Tiểu học. Chương trình nhằm tiếp tục hình thành và phát triển ở học sinh năng lực giao tiếp ngôn ngữ tiếng Anh để đạt trình độ tương đương với Cấp độ A2 của Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ (CEFR). Chương trình được thiết kế trên cơ sở những đặc điểm phát triển tâm – sinh lý lứa tuổi, có tính đến những thay đổi về thể chất và tinh thần, nhu cầu và khả năng của học sinh ở cấp THCS.

Chương trình tiếng Anh THCS được thiết kế nhằm thực hiện kế hoạch dạy tiếng Anh ở cấp THCS, với thời lượng là 420 tiết (gồm cả số tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá) cho bốn cấp lớp 6, 7, 8, và 9. Thời lượng được phân phối cho mỗi cấp lớp như sau:

Lớp 6: 105 tiết

Lớp 7: 105 tiết

Lớp 8: 105 tiết

Lớp 9: 105 tiết

Văn bản chương trình tiếng Anh THCS là cơ sở pháp lí để:

- Quản lí việc dạy và học tiếng Anh ở cấp THCS;
- Biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình;
- Biên soạn, lựa chọn tài liệu dạy và học tiếng Anh, bao gồm sách giáo khoa, sách bài tập, sách hướng dẫn giáo viên, các tài liệu tham khảo và học liệu điện tử;
- Định hướng phương pháp dạy và học tiếng Anh ở trường THCS;
- Thiết kế và lựa chọn đồ dùng và thiết bị dạy học;
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên sư phạm và cán bộ quản lí các cấp.

2. Các nguyên tắc xây dựng và phát triển chương trình

Chương trình tiếng Anh THCS được xây dựng và phát triển theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Đáp ứng nhu cầu và khả năng học tiếng Anh của học sinh, phù hợp với yêu cầu và khả năng của xã hội đối với môn tiếng Anh.
- Đảm bảo phát triển ở học sinh tình cảm và thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh, với ngôn ngữ tiếng Anh, với đất nước, con người, nền văn hóa của các nước nói tiếng Anh, đồng thời cung cấp cho các em những trải nghiệm học tập tích cực và thú vị.
- Đảm bảo việc học tiếng Anh góp phần vào sự phát triển chung của học sinh, vào việc đề cao các giá trị đạo đức và văn hóa phù hợp với việc tham gia của các em vào đời sống xã hội Việt Nam.
- Đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh cho học sinh. Năng lực ngôn ngữ giao tiếp là khả năng sử dụng hệ thống ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp để giao tiếp có hiệu quả, phù hợp với những ngữ cảnh giao tiếp có nghĩa. Năng lực ngôn ngữ giao tiếp được thực hiện chủ yếu thông qua luyện tập thực hành tích hợp bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Hệ thống kiến thức ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp là phương tiện, điều kiện hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp.
- Ở các lớp 6 và 7, các kĩ năng giao tiếp khẩu ngữ vẫn được tiếp tục ưu tiên phát triển thông qua các nhiệm vụ giao tiếp nghe - nói tương tác, dựa trên nền tảng mà học sinh đã học được qua Chương trình tiếng Anh Tiểu học. Ở các lớp 8 và 9, các kĩ năng đọc và viết sẽ được phát triển cân bằng với các kĩ năng nghe và nói.

- Nội dung chương trình được xây dựng và phát triển trên cơ sở hệ thống chủ điểm/chủ đề liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp với môi trường học tập và sinh hoạt của học sinh. Hệ thống chủ điểm/chủ đề được thiết kế lặp lại có mở rộng qua các năm học theo hướng đồng tâm xoáy tròn ốc nhằm củng cố và nâng cao năng lực giao tiếp của học sinh.
- Đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm của quá trình dạy và học. Năng lực ngôn ngữ giao tiếp của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, trong mối tương tác với học sinh và các tài liệu học tập, theo những chiến lược và phương thức học tập hiệu quả, trong các tình huống giao tiếp có ý nghĩa, qua đó khuyến khích học sinh từng bước nâng cao khả năng tự học.
- Đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy và học tiếng Anh giữa các cấp Tiểu học, THCS và THPT.
- Đảm bảo tính linh hoạt và mềm dẻo của chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu và điều kiện dạy và học tiếng Anh khác nhau giữa các vùng miền và địa phương ở Việt Nam.
- Đảm bảo sau khi học xong Chương trình tiếng Anh THCS, học sinh đạt trình độ năng lực giao tiếp tiếng Anh tương đương với Cấp độ A2 của Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ (CEFR).

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Dạy và học tiếng Anh ở THCS nhằm giúp học sinh rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh một cách chủ động và tự tin, tạo tiền đề cho việc sử dụng tiếng Anh như một công cụ trong học tập và trong đời sống xã hội, góp phần hình thành thói quen học tập suốt đời, tạo cơ sở cho việc hoàn thiện bản thân để trở thành những công dân có trách nhiệm trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Về tổng thể, sau khi học xong Chương trình tiếng Anh THCS, học sinh có thể đạt được năng lực giao tiếp tiếng Anh tương đương Cấp độ A2 của Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ. Cụ thể là:

Có khả năng hiểu các câu nói và các cách diễn đạt được sử dụng thường xuyên liên quan đến những lĩnh vực gần gũi nhất trong đời sống thường nhật (ví dụ như các thông tin rất cơ bản về cá nhân, gia đình, mua bán, cộng đồng địa phương và công việc). Có thể giao tiếp trong các tình huống cơ bản và đơn giản đòi hỏi các trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các vấn đề gần gũi và quen thuộc. Có thể sử dụng các cách nói đơn giản để nói về bản thân, môi trường gần gũi và những vấn đề liên quan đến nhu cầu trực tiếp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc Chương trình tiếng Anh THCS, học sinh có khả năng:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói (đối thoại, độc thoại), đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và trực tiếp trong những tình huống gần gũi và thường nhật ở trình độ tương đương Cấp độ A2 của Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ;
- Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và thông qua tiếng Anh, có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hóa của các nước nói tiếng Anh trên thế giới, đồng thời có hiểu biết và tự hào về những điểm mạnh và giá trị của nền văn hóa dân tộc mình;
- Có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh; biết sử dụng tiếng Anh làm công cụ tích hợp các nội dung dạy và học khác trong chương trình;
- Hình thành và sử dụng các phương pháp, phương thức và chiến lược học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh trong và ngoài lớp học.

Chương trình tiếng Anh THCS cụ thể hóa các mục tiêu trên thành các *Mục tiêu thể hiện* (Performance objectives) qua bốn kỹ năng giao tiếp: nghe, nói (đối thoại, độc thoại), đọc, viết, theo bốn cấp lớp. Cụ thể là Lớp 6 - Cấp độ A2.1, Lớp 7 - Cấp độ A2.2, Lớp 8 - Cấp độ A2.3, Lớp 9 - Cấp độ A2.4.

Lớp 6

Hết lớp 6, học sinh có khả năng:

Nghe	<ul style="list-style-type: none">• Nhận biết và nhắc lại được âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.• Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn và đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong lớp học.• Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản, trong khoảng 60 từ về các chủ đề trong chương trình như: gia đình, nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh, danh nhân, truyền hình, thể thao,• Nghe hiểu nội dung chính các trao đổi thông tin giữa các bạn cùng tuổi về các chủ đề được quy định trong phần nội dung.
Nói	<ul style="list-style-type: none">• Phát âm được các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.• Nói được các chỉ dẫn ngắn và đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong lớp học.• Hỏi và trả lời ngắn gọn về các chủ đề trong chương trình như: gia đình, nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh, danh nhân, truyền hình, thể thao,• Nói những câu đơn giản, liên ý, có gợi ý về các chủ đề quen thuộc.
Đọc	<ul style="list-style-type: none">• Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản trong khoảng 80 từ về các chủ đề trong chương trình như: gia đình, nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh, danh nhân, truyền hình, thể thao,• Đọc hiểu nội dung chính các thư cá nhân, thông báo, đoạn văn ngắn, đơn giản thuộc phạm vi chủ đề quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).
Viết	<ul style="list-style-type: none">• Viết có hướng dẫn một đoạn ngắn, đơn giản khoảng 40 từ về các chủ đề trong chương trình như: gia đình, nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh, danh nhân, truyền hình, thể thao,• Viết các thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hàng ngày ... trong phạm vi các chủ đề được quy định trong phần nội dung.

Lớp 7

Hết lớp 7, học sinh có khả năng:

Nghe	<ul style="list-style-type: none">• Nhận biết và nhắc lại được âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản khác nhau.• Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn và đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.• Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản, trong khoảng 80 từ về các chủ đề trong chương trình như: sở thích, âm nhạc và nghệ thuật, điện ảnh, giao thông, năng lượng, ...• Nghe hiểu các mô tả đơn giản về người, đồ vật, sự việc ... liên quan đến các chủ đề quen thuộc.
Nói	<ul style="list-style-type: none">• Phát âm được các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản khác nhau.• Nói được các chỉ dẫn ngắn sử dụng trong các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.• Trao đổi các thông tin cơ bản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày như: sở thích, âm nhạc và nghệ thuật, điện ảnh, giao thông, năng lượng, ...• Trình bày có chuẩn bị trước và có gợi ý về các chủ đề được quy định trong phần nội dung.
Đọc	<ul style="list-style-type: none">• Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản trong khoảng 100 từ về các chủ đề trong chương trình như: sở thích, âm nhạc và nghệ thuật, điện ảnh, giao thông, năng lượng, ...• Đọc hiểu nội dung chính các mẫu tin, thực đơn, quảng cáo, các văn bản, tài liệu ngắn, đơn giản thuộc phạm vi chủ đề quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).
Viết	<ul style="list-style-type: none">• Viết có hướng dẫn một đoạn ngắn, đơn giản khoảng 60 từ về các chủ đề trong phạm vi chương trình như: sở thích, âm nhạc và nghệ thuật, điện ảnh, giao thông, năng lượng, ...• Viết một đoạn ngắn, đơn giản, có gợi ý mô tả các sự kiện, hoạt động cá nhân liên quan đến các chủ đề được quy định trong phần nội dung.

Lớp 8

Hết lớp 8, học sinh có khả năng:

Nghe	<ul style="list-style-type: none">• Nhận biết và nhắc lại được âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản khác nhau.• Nghe hiểu các chỉ dẫn đơn giản và cơ bản sử dụng trong giao tiếp hàng ngày gắn với các chủ đề đã học.• Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản, trong khoảng 100 từ về các chủ đề trong chương trình như: hoạt động vui chơi giải trí, cuộc sống ở nông thôn, phong tục tập quán, truyền thống lễ hội trên thế giới, thảm họa thiên nhiên, khoa học và công nghệ,• Nghe hiểu nội dung chính các thông báo đơn giản được nói rõ ràng về dự báo thời tiết, ở bến tàu xe, sân bay, ... liên quan đến các chủ đề quen thuộc.
Nói	<ul style="list-style-type: none">• Phát âm được các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản khác nhau.• Nói được các chỉ dẫn đơn giản sử dụng trong giao tiếp hàng ngày gắn với các chủ đề đã học.• Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong chương trình như: hoạt động vui chơi giải trí, cuộc sống ở nông thôn, phong tục tập quán, truyền thống lễ hội trên thế giới, thảm họa thiên nhiên, khoa học và công nghệ, cuộc sống hành tinh khác,• Mô tả và so sánh có gợi ý về các chủ đề được quy định trong phần nội dung.
Đọc	<ul style="list-style-type: none">• Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản trong khoảng 120 từ về các chủ đề quen thuộc như: hoạt động vui chơi giải trí, cuộc sống ở nông thôn, phong tục tập quán, truyền thống lễ hội trên thế giới, thảm họa thiên nhiên, khoa học và công nghệ, cuộc sống hành tinh khác,• Đọc hiểu nội dung chính và nội dung chi tiết các chỉ dẫn, thông báo, biển báo, ... các văn bản, tài liệu ngắn, đơn giản thuộc phạm vi chủ đề quen thuộc.• Đọc hiểu và đoán được nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh.
Viết	<ul style="list-style-type: none">• Viết có hướng dẫn một đoạn ngắn, đơn giản khoảng 80 từ về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày như hoạt động vui chơi giải trí, cuộc sống ở nông thôn, phong tục tập quán, truyền thống lễ hội trên thế giới, thảm họa thiên nhiên, khoa học và công nghệ, cuộc sống hành tinh khác,• Viết các hướng dẫn, chỉ dẫn, thông báo, ... ngắn, đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc.

Lớp 9

Hết lớp 9, học sinh có khả năng:

Nghe	<ul style="list-style-type: none">• Nhận biết và nhắc lại được âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép và câu phức cơ bản khác nhau.• Nghe hiểu các chỉ dẫn đơn giản và cơ bản sử dụng trong các tình huống giao tiếp rộng hơn như các thông báo công cộng.• Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản, trong khoảng 120 từ về các chủ đề trong chương trình như: môi trường địa phương, cuộc sống thành thị, đất nước nói tiếng Anh, du lịch, tuổi trưởng thành, tiếng Anh trên thế giới, ...• Nghe hiểu nội dung chính các loại văn bản đơn giản như chuyện kể, các mô tả, lời giải thích, thảo luận ... về các chủ đề được quy định trong phần nội dung.
Nói	<ul style="list-style-type: none">• Phát âm được các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép và câu phức cơ bản khác nhau. Nói được các chỉ dẫn đơn giản sử dụng trong các tình huống giao tiếp rộng hơn như các thông báo công cộng.• Thảo luận ngắn và đơn giản về các chủ đề trong chương trình như: môi trường địa phương, cuộc sống thành thị, du lịch, tuổi trưởng thành, tiếng Anh trên thế giới, ...biết bắt đầu, duy trì và kết thúc hội thoại.• Kể lại các câu chuyện có gợi ý, sự kiện đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc.
Đọc	<ul style="list-style-type: none">• Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các bài đối thoại, độc thoại đơn giản trong khoảng 140 từ về các chủ đề có trong chương trình như: môi trường địa phương, cuộc sống thành thị, đất nước nói tiếng Anh, du lịch, tuổi trưởng thành, tiếng Anh trên thế giới, ...• Đọc hiểu nội dung chính và nội dung chi tiết các mẫu tin, câu chuyện kể, các bảng biểu, ... các văn bản, tài liệu ngắn, đơn giản thuộc phạm vi chủ đề được quy định trong phần nội dung.• Đọc hiểu và đoán được nghĩa của từ mới dựa vào suy luận, nhận biết tổ chức của đoạn văn ngắn, đơn giản.
Viết	<ul style="list-style-type: none">• Viết có hướng dẫn một đoạn ngắn, đơn giản khoảng 100 từ về các chủ đề có trong chương trình như: môi trường địa phương, cuộc sống thành thị, đất nước nói tiếng Anh, du lịch, tuổi trưởng thành, tiếng Anh trên thế giới, ...• Viết tóm tắt có hướng dẫn nội dung chính của bài văn, câu chuyện ngắn theo chủ đề được quy định trong phần nội dung. Sử dụng được các phương tiện liên kết văn bản.

4. Nội dung chương trình

Chương trình tiếng Anh THCS được thiết kế nhằm thực hiện kế hoạch dạy tiếng Anh ở THCS, với thời lượng là 420 tiết, mỗi tiết 45 phút cho bốn cấp lớp 6, 7, 8, và 9. Nội dung chương trình nhằm phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ của học sinh trong môi trường học tập phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh. Nội dung dạy học trong chương trình tiếng Anh THCS gồm có: Hệ thống chủ điểm, Hệ thống chủ đề, Năng lực giao tiếp, Kiến thức ngôn ngữ, Học cách học.

4.1. Hệ thống chủ điểm

Chương trình tiếng Anh THCS có bốn chủ điểm (themes) sau:

Our Communities

Thông qua chủ điểm này, học sinh học cách sử dụng tiếng Anh để giao tiếp về các lĩnh vực gần gũi trong đời sống hàng ngày, qua đó hiểu biết thêm về đất nước, con người, nền văn hóa của cộng đồng và đất nước mình, biết tôn trọng những vai trò khác nhau của từng cá thể trong việc xây dựng và phát triển một xã hội hiện đại.

Our Heritage

Trong chủ điểm này, học sinh học cách sử dụng tiếng Anh để giao tiếp về các chủ đề liên quan đến đất nước, con người, nền văn hóa truyền thống, qua đó có thêm hiểu biết về những giá trị truyền thống của đất nước, biết cách giới thiệu các nét đẹp của văn hóa dân tộc mình với người nước ngoài.

Our World

Thông qua chủ điểm này, học sinh sử dụng tiếng Anh để giao tiếp về các lĩnh vực liên quan đến đất nước, con người, nền văn hóa của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước nói tiếng Anh, qua đó có thêm hiểu biết và biết trân trọng các nét đẹp của các nền văn hóa trên thế giới.

Visions of the Future

Trong chủ điểm này, học sinh sử dụng tiếng Anh để giao tiếp về các chủ đề liên quan đến đời sống tương lai của các em, qua đó bước đầu có được suy nghĩ và ý tưởng về các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống trong tương lai của bản thân và xã hội.

Bốn chủ điểm nói trên được lặp lại có mở rộng qua các cấp lớp, nhờ đó học sinh có thể củng cố và phát triển năng lực giao tiếp trong khuôn khổ một khung chương trình thống nhất tạo điều kiện cho nhu cầu sử dụng tiếng Anh ngày một tăng và tận dụng năng lực nhận thức ngày càng phát triển của các em.

4.2. Hệ thống chủ đề

Hệ thống chủ đề (Topics) được cụ thể hóa từ bốn chủ điểm. Chương trình tiếng Anh THCS đưa ra một danh mục các chủ đề mẫu cho mỗi chủ điểm và cho từng lớp. Giáo viên và người biên soạn tài liệu có thể sử dụng hệ thống chủ đề này hoặc điều chỉnh, sửa đổi các chủ đề cho phù hợp với các chủ điểm tùy theo nhu cầu, hứng thú và khả năng học tập nhằm phát triển năng lực giao tiếp của học sinh.

Các chủ đề ứng với bốn chủ điểm chia theo cấp lớp được đề xuất trong các bảng dưới đây:

Theme	Our Communities	Lớp	Theme	Our Heritage	Lớp
Topics	<ul style="list-style-type: none">• My new school• My home• My friends, ...	6	Topics	<ul style="list-style-type: none">• Our Tet Holiday• Natural wonders of Vietnam• Famous Vietnamese people, ...	6
	<ul style="list-style-type: none">• My hobbies• Healthy living• Community services, ...	7		<ul style="list-style-type: none">• Music and arts in Vietnam• Vietnamese foods and drinks• The first university, ...	7
	<ul style="list-style-type: none">• Leisure activities• Life in the countryside• Peoples of Vietnam, ...	8		<ul style="list-style-type: none">• Our customs and traditions• Festivals in Vietnam• How we used to live in the past, ...	8
	<ul style="list-style-type: none">• Local environment• Life in the city• Teenagers, ...	9		<ul style="list-style-type: none">• Folk tales and legends• Man-made wonders of Vietnam• Vietnam then and now, ...	9

Theme	Our World	Lớp	Theme	Visions of the Future	Lớp
Topics	<ul style="list-style-type: none"> • Television • Sports and games • Cities of the world, ... 	6	Topics	<ul style="list-style-type: none"> • Schools of the future • Robots • Our homes of the future, ... 	6
	<ul style="list-style-type: none"> • Traffic • Movies • Recipes and eating habits, ... 	7		<ul style="list-style-type: none"> • Sources of energy • Travelling in the future • An overcrowded world, ... 	7
	<ul style="list-style-type: none"> • Pollution • Festivals in the world • Natural disasters, ... 	8		<ul style="list-style-type: none"> • Communication • Science and technology • Life on other planets, ... 	8
	<ul style="list-style-type: none"> • English speaking countries • Tourism • English in the world, ... 	9		<ul style="list-style-type: none"> • Space travel • Changing roles in society • My future career, ... 	9

4.3. Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp (Communicative competences) là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào quá trình giao tiếp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách phù hợp với tình huống/ ngữ cảnh có nghĩa. Hệ thống chủ đề và chủ đề đóng vai trò là phương tiện cung cấp các ngữ cảnh khác nhau cho học sinh sử dụng kiến thức ngôn ngữ để thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh và phát triển năng lực giao tiếp. Trong nội dung chương trình, năng lực giao tiếp được thể hiện qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp. Mỗi chủ đề bao gồm 2 – 3 chức năng và nhiệm vụ giao tiếp. Các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp này là cơ sở để xây dựng các đơn vị bài học.

4.4. Kiến thức ngôn ngữ

Kiến thức ngôn ngữ (Linguistic knowledge) giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp. Kiến thức ngôn ngữ bao gồm:

Ngữ âm

Ngữ âm trong Chương trình tiếng Anh THCS gồm: các nguyên âm, nguyên âm đôi, bán nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, nhịp điệu và ngữ điệu câu cơ bản trong tiếng Anh. Ngữ âm giúp củng cố và phát triển các kiến thức và kỹ năng học sinh đã học trong chương trình.

Từ vựng

Số lượng từ vựng được quy định trong chương trình tiếng Anh THCS là khoảng 800 – 1000 từ (không bao gồm các từ đã học ở tiểu học). Đây là những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực khẩu ngữ và bút ngữ. Những từ này cần được giới thiệu lặp đi lặp lại, thông qua các ngữ cảnh có nghĩa, trong phạm vi các chủ đề do chương trình quy định.

Ngữ pháp

Trong chương trình tiếng Anh THCS, các cấu trúc ngôn ngữ và hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu thông qua ngữ cảnh. Nội dung ngữ pháp bao gồm:

- Câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán; câu khẳng định, câu phủ định; câu đơn, câu ghép, câu phức.
- Động từ ở các thời/thể hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, tương lai đơn, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành; động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, cụm động từ (động từ đa thành tố); thể bị động; câu điều kiện (loại 1 và loại 2); mệnh đề quan hệ; lời nói trực tiếp và gián tiếp; danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ; số đếm, số thứ tự; so sánh tính từ; đại chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại từ phản thân, đại từ sở hữu; các giới từ, trạng từ, liên từ thông dụng; mạo từ xác định, mạo từ không xác định.

Các kiến thức ngôn ngữ kể trên được trình bày chi tiết trong cột *Language Items* của từng cấp lớp trong *Phần thứ hai* của chương trình. Giáo viên và người biên soạn tài liệu dạy học cần lựa chọn các mục trong cột *Language Items* sao cho phù hợp với từng chủ đề, nhu cầu, hứng thú và khả năng học tập của học sinh. Cần ưu tiên sử dụng các hiện tượng ngôn ngữ có tần suất cao – đó là những hiện tượng ngôn ngữ mà học sinh sử dụng thường xuyên trong giao tiếp.

4.5. Học cách học

Học cách học (Learning how to learn) là cách thức học tập khác nhau giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh trong và ngoài lớp học một cách có hiệu quả. Một số cách thức học tập cơ bản mà chương trình tiếng Anh THCS cần hình thành để giúp học sinh:

- Học cách xác định mục tiêu, qui trình, kĩ thuật học tập nhằm đạt kết quả giao tiếp cao. Hình thành động cơ, hứng thú học tập. Nhận ra điểm mạnh, điểm yếu trong giao tiếp, từ đó tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động giao tiếp phù hợp với mục tiêu của chương trình;
- Có cách thức, kĩ thuật học các mặt của kiến thức ngôn ngữ như: nhận biết, thực hành, ôn tập, củng cố các kiến thức ngôn ngữ (học ngữ âm, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp);
- Có cách thức luyện tập các kĩ năng giao tiếp như: sử dụng ngôn ngữ phi lời nói trong nghe-nói tương tác, nghe/đọc hiểu nội dung chính, nội dung cụ thể, nghe/đọc đoán nghĩa qua ngữ cảnh, giải thích bảng, biểu...;
- Có cách thức sử dụng sách giáo khoa, từ điển, tài liệu hỗ trợ học tập (bao gồm cả tài liệu tương tác ứng dụng công nghệ thông tin), biết tìm kiếm, sử dụng và lưu trữ thông tin, biết sử dụng kênh hình, kênh chữ, kênh tiếng;
- Có cách thức học tích cực, tham gia vào các hoạt động tương tác giữa học sinh với giáo viên, theo cặp, trong nhóm một cách tích cực và hợp tác;
- So sánh, đối chiếu một số nét tương đồng và khác biệt (ngữ âm, từ ngữ, cấu trúc, cách diễn đạt) giữa tiếng Anh với tiếng mẹ đẻ.

Các cách thức học tập nêu trên cần được thể hiện trong sách giáo khoa, các tài liệu dạy học và trong quá trình dạy học trên lớp. Giáo viên cần giúp học sinh hình thành và phát triển các cách thức học tập phù hợp với điều kiện dạy học và năng lực học tập, qua đó tự điều chỉnh quá trình học tập của các em. Các cách thức học tập giúp học sinh tiếp tục học tập tích cực và có hiệu quả, và trở thành những người có khả năng tự học một cách độc lập trong tương lai.

5. Phương pháp dạy học

Đường hướng chủ đạo trong dạy tiếng Anh ở trường THCS là đường hướng Dạy Ngôn ngữ Giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT) phù hợp đặc điểm tâm lí của học sinh đang chuyển tiếp từ tuổi thơ sang tuổi vị thành niên. Mục tiêu của học tập là phát triển ở học sinh năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh trong những tình huống cuộc sống hàng ngày. Để đạt mục tiêu này, việc giảng dạy tiếng Anh ở cấp THCS cần tập trung vào phương pháp lấy việc học làm trung tâm. Giáo viên phải coi học sinh là những chủ thể tích cực tham gia vào quá trình học tập và vai trò của giáo viên là người tổ chức và hướng dẫn quá trình học tập của học sinh.

Các hoạt động luyện tập ngôn ngữ kết hợp tăng cường độ trôi chảy, mạch lạc với độ chính xác trong sử dụng ngôn ngữ. Việc sử dụng ngôn ngữ có ý nghĩa là yếu tố cơ bản để đạt được trình độ thành thạo bất kì mức độ năng lực giao tiếp nào. Điều này đòi hỏi học sinh phải tương tác với giáo viên, bạn học cùng lớp, sách giáo khoa, và các nguồn học liệu khác. Để phát huy tính tích cực hoạt động của học sinh, giáo viên cần tổ chức nhiều hình thức hoạt động trên lớp như: luyện tập cá nhân, luyện tập theo cặp, luyện tập theo nhóm và luyện tập cả lớp.

Các nhiệm vụ học tập được thiết kế có tính linh hoạt, có khả năng cá thể hóa, giúp học sinh có thể liên hệ đến cuộc sống và môi trường xã hội của bản thân, sử dụng được những hiểu biết và kiến thức nền của mình trong luyện tập ngôn ngữ. Các hoạt động học tập được thiết kế nhằm tăng cường ý thức tự chịu trách nhiệm về việc học tập của bản thân, đồng thời rèn luyện cho học sinh tinh thần và khả năng làm việc theo nhóm, đội, v.v. Các hoạt động học tập cũng nhằm bước đầu hình thành và rèn luyện một số kỹ năng và chiến lược học ngoại ngữ cơ bản cho học sinh.

Các hoạt động luyện tập ngôn ngữ có thể được thiết kế dưới các hình thức khác nhau, mang tính thi đua, cạnh tranh như: trò chơi, cuộc thi, đố vui, ... nhằm tạo hứng thú cho học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh. Để gây hứng thú cho học sinh và tăng hiệu quả của việc dạy-học cũng nên áp dụng các phương tiện dạy học đa dạng, áp dụng công nghệ thông tin trong việc thiết kế các hoạt động học tập. Học sinh cần được khuyến khích sử dụng tiếng Anh tối đa trong lớp học.

6. Kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện nhằm cung cấp thông tin phản hồi về thành tích và kết quả học tập mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập, góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá và điều chỉnh việc giảng dạy môn Tiếng Anh một cách hiệu quả ở cấp THCS.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình tiếng Anh THCS, dựa trên *Mục tiêu thể hiện* (Performance objectives) đối với bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết được qui định đối với các lớp 6, 7, 8, và 9.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo hai phương thức: thường xuyên và định kì. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua các hoạt động dạy học trên lớp học. Trong quá trình dạy học, cần chú ý đến việc đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong chương

trình. Việc kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu.

Việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như: định lượng (cho điểm) và định tính (nhận xét, xếp loại), kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy và học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (đối thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

Các hình thức kiểm tra cần đa dạng, bao gồm kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết, kiểm tra cuối học kì và kiểm tra cuối năm.

7. Điều kiện thực hiện chương trình

- Đảm bảo đủ thời lượng giảng dạy. Chương trình tiếng Anh được thiết kế để thực hiện kế hoạch dạy học với thời lượng 420 tiết (gồm cả số tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá).
- Học sinh bắt đầu vào Lớp 6 cần đạt trình độ tương đương với Cấp độ A1 của Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ, theo quy định trong chương trình tiếng Anh tiểu học.
- Giáo viên phải có trình độ cao đẳng/đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh hoặc phải có chứng chỉ sư phạm đáp ứng chuẩn nghiệp vụ giáo viên với trình độ năng lực tiếng Anh tương đương cấp độ B2 trở lên của Khung tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ.
- Giáo viên cần được tập huấn đầy đủ để dạy Chương trình này theo phương thức quy định.
 - Đối với giáo viên đã đạt chuẩn nghiệp vụ, công tác bồi dưỡng giáo viên cần được thực hiện thường xuyên và giáo viên cần được hỗ trợ ở nhà trường trong quá trình giảng dạy theo Chương trình này.
 - Đối với những giáo viên hiện đang theo học tại các cơ sở sư phạm, các khóa đào tạo giáo viên sư phạm cần được thực hiện trên cơ sở Chương trình này.
- Số lượng học sinh cho một lớp học không vượt quá quy định ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phải có đủ trang thiết bị tối thiểu để trợ giúp việc dạy học (như thiết bị nghe nhìn và tư liệu điện tử).
- Đội ngũ quản lí nhà trường được bồi dưỡng về nội dung và cách thức quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình này nhằm đảm bảo khả năng hỗ trợ đội ngũ giáo viên của nhà trường trong quá trình thực hiện chương trình.

www.LuatVietnam.vn

PHẦN THỨ HAI: GỢI Ý NỘI DUNG DẠY HỌC TỪNG CẤP LỚP

1. Lớp 6

3 tiết/tuần x 35 tuần = 105 tiết

THEMES	TOPICS	COMMUNICATIVE COMPETENCES	LANGUAGE ITEMS
1. Our Communities	My new school	<ul style="list-style-type: none"> Asking and answering questions about school activities Talking about what we like and don't like about school 	<p>Pronunciation</p> <p>Vowels Diphthongs Consonants Consonant clusters Word stress Sentence stress Rhythm and intonation</p> <p>Vocabulary</p> <p>Words to describe school activities Words to talk about family members Words to describe personal appearance and characteristics Words to describe activities people do at traditional Tet Holiday</p>
	My home	<ul style="list-style-type: none"> Talking about family members, housework and jobs Asking and answering questions about where someone lives and works 	
	My friends	<ul style="list-style-type: none"> Describing personal appearance and characteristics Talking about activities friends often do together Write a description about a friend 	
2. Our Heritage	Our Tet Holiday	<ul style="list-style-type: none"> Talking about how people prepare for Tet 	<p>Words to describe natural wonders in the country Words to talk about famous Viet Nameese people</p>

<p>Words to talk about types of TV programmes</p> <p>Words to talk about popular sports and games</p> <p>Words to describe world famous sports stars</p> <p>Words to describe landmarks and features of cities around the world</p> <p>Words to express preferences about school activities and subjects in the future</p> <p>Words to talk about the kinds of work robots can do</p> <p>Words to describe life on a space station</p> <p>Grammar</p> <p>Present simple, present continuous, future simple, past simple, present perfect</p> <p>Going to (review)</p> <p>Simple sentences</p> <p>Compound sentences</p> <p>Modals: <i>can/cannot, could, must/must not, may, should/should not, would, ought to</i></p> <p>Wh-questions: <i>what, which, where, when, who, whom, why, how (how long, how high, how often...)</i></p> <p>Yes/No questions</p> <p>Imperatives: commands (positive/</p>	<p>Holiday</p> <ul style="list-style-type: none"> • Describing what people do at Tet Holiday • Expressing concern and giving advice • Identifying natural wonders in the country • Describing natural wonders in the country • Making comparison between natural wonders • Asking and answering about famous people • Expressing admiration for famous people of the past <p>Television</p> <ul style="list-style-type: none"> • Identifying types of TV programmes in the world • Talking about someone's favourite programme(s) • Exchanging information about TV programmes • Talking about popular sports and games in the world • Asking and answering questions about world famous sports stars 	<p>Natural wonders of Viet Nam</p> <p>Famous Vietnamese people</p> <p>Television</p>	<p>3. Our World</p>
---	---	--	---------------------

<p>negative) Nouns (countable/uncountable) Adjectives Comparatives of adjectives Possessive case Possessive pronouns: <i>mine, yours, his, hers, its, ours, theirs</i> <i>How/what about + verb-ing (review)</i> <i>Why don't we ...?</i> <i>like + verb-ing</i> Indefinite quantifiers: <i>some, any, a few, a little, lots of, a lot of</i> Prepositions of position, time, ... : <i>in, at, on, next to, behind, between, from, to ...</i> Adverbial phrases: <i>by bike, by car, by bus ...</i> Adverbs of frequency: <i>always, usually, often, sometimes, occasionally, rarely, never, once/twice a week ...</i> Conjunctions: <i>and, but, because ...</i> Articles: <i>(a)/n, the</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> Identifying landmarks in cities around the world Comparing features of cities around the world Predicting what schools will be like in the future Expressing preferences about school activities and subjects in the future Talking about the kinds of work robots can do in various environments Expressing agreement and disagreement about the role of robots in our lives Predicting what homes will be like in the future Describing differences or/and similarities between homes of the future and homes now 	<p>Cities of the world</p> <p>Schools of the future</p> <p>Robots</p> <p>Our homes of the future</p>	<p>4. Visions of the Future</p>
---	--	--	--

Ghi chú: Các nội dung trong cột *Communicative Competences* và *Language Items* có thể đổi chỗ giữa các chủ điểm trong phạm vi một lớp.

6

2. Lớp 7

3 tiết/tuần x 35 tuần = 105 tiết

THEMES	TOPICS	COMMUNICATIVE COMPETENCES	LANGUAGE ITEMS
1. Our Communities	My hobbies	<ul style="list-style-type: none"> Talking about types of hobbies Talking about collecting things as a preferred hobby Expressing agreement and disagreement and explain reasons 	<p>Pronunciation Vowels Diphthongs Consonants Consonant clusters Word stress Sentence stress Rhythm and intonation</p> <p>Vocabulary Words to talk about hobbies, collections Words to describe healthy living Words to talk about types of Community services Words to talk about music and arts Words to describe Viet Nameese foods and drinks Words to talk about the history of the Temple of Literature Words to talk about traffic, means of transport and road signs Words to talk about movies and film stars Words to describe recipes and eating habits</p>
	Healthy living	<ul style="list-style-type: none"> Talking about features of a healthy lifestyle Comparing healthy and unhealthy habits Persuading someone to adopt a healthy lifestyle 	
	Community services	<ul style="list-style-type: none"> Talking about types of Community services Asking and answering questions about community services 	
2. Our Heritage	Music and arts in	<ul style="list-style-type: none"> Talking about different types of music 	

	<p>Viet Nam</p> <p>Vietnamese foods and drinks</p> <p>The first university</p>	<p>and arts in Viet Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> • Asking and answering questions about music and arts • Writing informal letter of invitation <p>Identifying types of traditional foods and drinks</p> <ul style="list-style-type: none"> • Talking about typical traditional foods and drinks • Asking and answering questions about someone’s favourite food and drink <p>Making arrangements for a trip to the Temple of Literature</p> <ul style="list-style-type: none"> • Talking about the history of the Temple of Literature 	<p>Words to talk about types and sources of energy</p> <p>Words to talk about types of transport in the future</p> <p>Words to talk about causes and effects of population growth</p> <p>Grammar</p> <p>Present simple, present continuous, future simple, past simple (review)</p> <p><i>Used to</i></p> <p>Simple sentences</p> <p>Compound sentences</p> <p>Modals: <i>can/ cannot, could, must/ must not, may, should/ should not, would, ...</i></p> <p><i>Wh-</i> questions: <i>what, which, where, when, who, whom, why, how (how long, how high, how far, ...)</i></p> <p><i>“It”</i> indicating distance</p> <p><i>too/either</i></p> <p><i>so/neither</i></p> <p><i>Yes/No</i> questions</p> <p>Tag questions</p> <p><i>like/ prefer + to</i> infinitive (review and cont.)</p> <p><i>like + gerund</i></p> <p>Imperatives: commands (positive/negative)</p> <p>Nouns (countable/uncountable)</p>
<p>3. Our World</p>	<p>Traffic</p> <p>Movies</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about traffic in the world • Identifying road signs • Talking about rules of traffic <p>Identifying types of films</p> <ul style="list-style-type: none"> • Asking and answering questions about movie stars • Talking about someone’s favourite film 	

	Recipes and eating habits	<ul style="list-style-type: none"> Talking about different types of eating habits among countries in the world Describing popular recipes 	<p>Adjectives Comparisons: <i>like, (not) as...as, not the same as, different from</i> Superlatives of adjectives Possessive case Possessive pronouns: <i>mine, yours, his, hers, its, ours, theirs</i> Reflexive pronouns: <i>myself, yourself, herself...</i> Indefinite quantifiers: <i>some, any, a few, a little, lots of, a lot of</i> Prepositions of position, time,... : <i>in, at, on, next to, behind, between, from, to ...</i> Conjunctions: <i>and, but, because ...</i> Articles: <i>(a)n, the, (no article)</i> Adverbial phrases Adverbs of frequency</p>
4. Visions of the Future	<p>Sources of energy</p> <p>Travelling in the future</p> <p>An overcrowded world</p>	<ul style="list-style-type: none"> Identifying types and sources of energy Talking about advantages and disadvantages of each type of energy resources in the future Talking about types of transport in the future Distinguishing facts and opinions Talking about over population Talking about causes and effects of population growth Giving advice about how to reduce world population 	

Ghi chú: Các nội dung trong cột *Communicative Competences* và *Language Items* có thể đổi chỗ giữa các chủ điểm trong phạm vi một lớp.

3. Lớp 8

3 tiết/tuần x 35 tuần = 105 tiết

THEMES	TOPICS	COMMUNICATIVE COMPETENCES	LANGUAGE ITEMS
<p>1. Our Communities</p>	<p>Leisure activities</p> <p>Life in the countryside</p> <p>Peoples of Viet Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Identifying children’s leisure activities • Asking for and reporting information about different leisure activities • Talking about what children like or dislike to do in leisure activities • Talking about the daily routine of a child in the countryside • Talking about price, quantity and size of goods in the market • Talking about cultural diversity in the country • Asking for and responding information about different cultural groups in the country 	<p>Pronunciation</p> <p>Vowels Diphthongs Consonants Consonant clusters Word stress Sentence stress Rhythm and intonation</p> <p>Vocabulary</p> <p>Words to talk about leisure activities</p> <p>Words to talk about life in the countryside</p> <p>Words to talk about different cultural groups in the country</p> <p>Words to talk about customs and traditions</p> <p>Words to describe festivals in Viet Nam</p> <p>Words to describe traditional homes and habitual actions in the past</p> <p>Words to describe pollution</p> <p>Words to talk about festivals in the world</p> <p>Words to talk about natural disasters</p>
<p>2. Our Heritage</p>	<p>Our customs and</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about customs and traditions in the past 	

	<p>traditions</p> <p>Festivals in Viet Nam</p> <p>How we used to live in the past</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Expressing obligation and prohibition about customs in the past • Identifying popular traditional festivals • Talking about how people celebrate their festivals • Expressing different points of view about traditional festivals • Describing traditional homes and habitual actions in the past • Reporting past events 	<p>Words to talk about communication</p> <p>Words to describe science and technology in the future</p> <p>Words to talk about life on other planets</p> <p>Grammar</p> <p>Present simple, present simple with future meaning, present continuous, present perfect; future simple, future continuous; past simple, past continuous, past perfect.</p> <p>Gerund (some use)</p> <p>Modal verbs: <i>can, could, must, may, might, should, would, ought to...</i></p> <p>Verbs + <i>to</i>-infinitive</p> <p><i>Wh</i>- questions: <i>what, which, where, when, who, whom, why, how, ...</i></p> <p><i>Yes/No</i> questions</p> <p>Questions words before <i>to</i>-infinitive</p> <p><i>Be about to</i></p> <p><i>Would you mind ...?</i></p> <p>Types sentences: Simple/ Compound / Complex sentences</p> <p>Conditional sentences: Types I, Type II</p> <p>The passive (present, past and future)</p> <p>Reported speech: commands, requests and advice</p> <p>Indirect questions with “<i>if</i>” or “<i>whether</i>”</p> <p>Comparatives and superlatives of</p>
<p>3. Our World</p>	<p>Pollution</p> <p>Festivals in the world</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about types of pollution • Talking about causes and effects of pollution • Giving advice about how to reduce world pollution • Identifying popular world festivals • Talking about how people celebrate their festivals • Expressing different points of view about festivals 	

	Natural disasters	<ul style="list-style-type: none"> • Describing natural disasters in the world • Warning people about natural disasters • Expressing sympathy for people affected by natural disasters 	adjectives (review) Adverbs of frequency, comparatives of adverbs Prepositions of position/ time (<i>in, at, on, after, before, ...</i>) Nouns: countable and uncountable Possessive pronouns: <i>mine, yours, his, hers, its, ours, theirs</i> Indefinite quantifiers: <i>some, any, a few, a little, lots of, a lot of, ...</i> Adverbial phrases: <i>by bike, by car, ...</i> Article: <i>a, an, the</i>
4. Visions of the Future	Communication Science and technology Life on other planets	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about means of communication in the future • Making and receiving mobile phone calls and text messages • Talking about types and roles of science and technology in the future • Expressing agreement and disagreement about how science and technology can help us solve problems in the future • Talking about the possibility or probability of life on other planets • Predicting what other life forms might be like 	

Ghi chú: Các nội dung trong cột *Communicative Competences* và *Language Items* có thể đổi chỗ giữa các chủ điểm trong phạm vi một lớp.

4. Lớp 9

3 tiết/tuần x 35 tuần = 105 tiết

THEMES	TOPICS	COMMUNICATIVE COMPETENCES	LANGUAGE ITEMS
1. Our Communities	Local environment Life in the city	<ul style="list-style-type: none"> • Describing important places in the local environment • Accepting and declining invitations to visit places in the local environment • Talking about the daily routine of a child in the city • Talking about price, quantity and size of goods in a shop • Expressing opinions about life in the city • Talking about teenagers' interests • Communicating thoughts, feelings and opinions to other people 	<p>Pronunciation</p> <p>Vowels Diphthongs Consonants Consonant clusters Word stress Sentence stress Rhythm and intonation</p> <p>Vocabulary</p> <p>Words to describe local environments Words to talk about the daily routine of a child in the city Words to talk about price, quantity and size of goods in a shop Words to indicate teenagers' interests Words to talk about folk tales and legends Words to describe man-made wonders of the past in Viet Nam</p>
2. Our Heritage	Teenagers Folk tales and	<ul style="list-style-type: none"> • Narrating a folk tale or a legend • Making judgements about characters' 	

	<p>legends</p> <p>Man-made wonders of Viet Nam</p> <p>Viet Nam – then and now</p>	<p>behaviour in folk tales and legends</p> <ul style="list-style-type: none"> Identifying popular man-made wonders of Viet Nam Describing a man-made wonder in Viet Nam Inquiring about how to protect and preserve the man-made wonders of Viet Nam Talking about key events in our history Exchanging information about what we can learn from our history Expressing admiration for our history and values 	<p>Words to name key events in our history</p> <p>Words to express admiration for our history and values</p> <p>Words to talk about people and cultures of some typical English speaking countries</p> <p>Words to talk about tourism in the world</p> <p>Words to talk about English as a means of international communication</p> <p>Words to talk about possibilities of space tourism in the future</p> <p>Words to talk about male and female roles in domestic life</p> <p>Words to talk about reasons for future career choices</p> <p>Grammar</p> <p>Present simple, present continuous, present perfect; future simple, future continuous, future perfect; past simple, past continuous tense, past perfect.</p> <p>Past simple vs. present perfect</p> <p>Past simple with <i>wish</i></p> <p>Modal verbs with <i>if</i></p> <p>Modal verbs: <i>may, might, ...</i></p> <p>Phrasal verbs</p> <p><i>suggest + verb-ing/ suggest (that) + subject + should</i></p> <p>The passive (review)</p> <p>Gerunds after some verbs: <i>like, dislike,</i></p>
<p>3. Our World</p>	<p>English speaking countries</p> <p>Tourism</p>	<ul style="list-style-type: none"> Talking about capitals and places of interest of some typical English speaking countries Talking about people and cultures of some typical English speaking countries Talking about some popular places in the world people want to visit Giving reasons why tourists come to our country 	

6

	English in the world	<ul style="list-style-type: none"> Talking about English as a means of international communication Sharing experience in learning English Encouraging people to use English for study purposes 	
4. Visions of the Future	<p>Space travel</p> <p>Changing roles in society</p> <p>My future career</p>	<ul style="list-style-type: none"> Describing life on a space station Talking about possibilities of space tourism in the future Talking about male and female roles in domestic life Negotiating male and female roles in future domestic life Talking about future jobs Asking for and giving reasons for future career choices Expressing approval and disapproval of future career choices 	<p><i>love, enjoy, hate... + Verb-ing</i> Infinitive (verbs + <i>to</i> infinitive) Questions words before <i>to</i>-infinitive Direct and reported speech Reported speech, <i>here</i> and <i>now</i> words Conditional sentences (review): Type I and Type II Adjective + <i>that</i> clause Adverb clauses of result, reasons, concession (<i>although/ though</i>) Relative pronouns Relative clauses (defining and non-defining) Connectives: <i>and, but, because, or, so, therefore, however, ...</i></p>

Ghi chú: Các nội dung trong cột *Communicative Competences* và *Language Items* có thể đổi chỗ giữa các chủ điểm trong phạm vi một lớp.

b

PHỤ LỤC

Common Reference Levels: global scale

Proficient User	C2	Can understand with ease virtually everything heard or read. Can summarise information from different spoken and written sources, reconstructing arguments and accounts in a coherent presentation. Can express him/herself spontaneously, very fluently and precisely, differentiating finer shades of meaning even in more complex situations.
	C1	Can understand a wide range of demanding, longer texts, and recognize implicit meaning. Can express himself/herself fluently and spontaneously without much obvious searching for expressions. Can use language flexibly and effectively for social, academic and professional purposes. Can produce clear, well-structured, detailed text on complex subjects, showing controlled use of organisational patterns, connectors and cohesive devices.
	B2	Can understand the main ideas of complex text on both concrete and abstract topics, including technical discussions in his/her field of specialisation. Can interact with a degree of fluency and spontaneity that makes regular interaction with native speakers quite possible without strain for either party. Can produce clear, detailed text on a wide range of subjects and explain a viewpoint on a topical issue giving the advantages and Independent disadvantages of various options.

Independent User	B1	Can understand the main points of clear standard input on familiar matters regularly encountered in work, school, leisure, etc. Can deal with most situations likely to arise whilst travelling in an area where the language is spoken. Can produce simple connected text on topics which are familiar or of personal interest. Can describe experiences and events, dreams, hopes and ambitions and briefly give reasons and explanations for opinions and plans
Basic User	A2	Can understand sentences and frequently used expressions related to areas of most immediate relevance (e.g. very basic personal and family information, shopping, local geography, employment). Can communicate in simple and routine tasks requiring a simple and direct exchange of information on familiar and routine matters. Can describe in simple terms aspects of his/her background, immediate environment and matters in areas of immediate need.
	A1	Can understand and use familiar everyday expressions and very basic phrases aimed at the satisfaction of needs of a concrete type. Can introduce himself/herself and others and can ask and answer questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has. Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.

(Resource: *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment*, CUP, 2001)

Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Tiếng Anh thi điểm cấp Trung học Cơ sở

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Vinh Hiền

www.LuatVietna

Handwritten mark or signature in the bottom right corner.